| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H.H**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 284/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 11 - 2023
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.H, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.H.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2023/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Ninh Thị G, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 6, xã H.C, huyện H.H, tỉnh Nam Định; "vắng mặt";

*Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 6, xã H.C, huyện H.H, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

*Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 6, xã H.C, huyện H.H, tỉnh Nam Định, "vắng mặt".

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ninh Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị G và anh Phạm Văn H kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.C ngày 22/12/2006 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà của bố mẹ anh H ở xóm 6 xã H.C đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quang điểm sống. Ngoài ra, do anh H thường xuyên uống rượu say chửi vợ con, không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình. Chị G và gia đình đã nhiều lần

khuyên bảo anh H nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị G đã đưa 2 con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2022, hai người đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay. Nay Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị G và anh H có 02 con chung là Anh Hhi sinh ngày 28/9/2007 và Phạm Linh C, sinh ngày 03/10/2012, hiện hai con chung đang ở cùng Chị G. Khi ly hôn Chị G có nguyện vọng tiếp tục được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H.H đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 236/2023/TLST – HNGĐ, ngày 11/10/2023 và các văn bản tố tụng khác cho anh Phạm Văn H biết để anh H có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của Chị G gửi Tòa án và đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Chị G gửi cho Tòa án cũng như không đến Tòa làm việc mà không có lý do.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Đ có bản tự khai trình bày: Bà Đông là mẹ đẻ của anh Phạm Văn H. Anh H và Chị G tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.C. Sau khi kết hôn, anh H và Chị G chung sống không hạnh phúc hiện hai người đang sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn như Chị G trình bày là đúng. Anh H và Chị G có 2 con chung, không có tài sản chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân, Chị G đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh H sinh sống cùng vợ chồng bà Đông. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án gửi cho anh H, bà Đông đều đã thông báo và giao ngay lại cho anh H biết nhưng anh H bận công việc, thường xuyên phải đi làm xa nên không thể đến Tòa án làm việc. Anh H có nói với bà Đông là nhất trí ly hôn Chị G và để Chị G trực tiếp nuôi hai con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng không về Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ninh Thị G vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ có ý kiến xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ninh Thị G và anh Phạm Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.C, huyện H.H vào ngày 22/12/2006 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa Chị G và anh H là hợp pháp. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung, anh H thường xuyên uống rượu say chửi vợ con, không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình. Nay Chị G xin ly hôn, anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc Chị G xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ninh Thị G, Hội đồng xét xử nhận định: thực tế cuộc sống vợ chồng giữa Chị G và anh H không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm; mặt khác anh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với Chị G. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị G và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị G, cho chị Ninh Thị G được ly hôn anh Phạm Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ninh Thị G và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Anh H sinh ngày 28/9/2007 và Phạm Linh C, sinh ngày 03/10/2012, hiện hai con chung đang ở cùng Chị G. Khi ly hôn Chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con. Quá trình tố tụng, cháu Nhi và cháu Chi có ý kiến và nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy hiện nay các con chung đều là con gái và đang ở cùng Chị G, anh H không có ý kiến về việc nuôi con chung sau ly hôn; để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con chung phát triển và tránh xáo trộn cuộc sống tâm lý của các cháu, căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, cần giao hai con chung cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay và phù hợp với quy định của pháp luật. Do Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với các con chung theo quy đinh của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Ninh Thị G phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Ninh Thị G và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con chung chưa thành niên là cháu Anh Hhi, sinh ngày 28/9/2007 và Phạm Linh C, sinh ngày 03/10/2012 cho chị Ninh Thị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị G và anh H có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. (Hiện cả hai con chung đang ở cùng Chị G).

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ninh Thị G phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002793 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.H. Chị G đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Ninh Thị G và bị đơn anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện H.H;
- Chi cục THADS huyện H.H;
- UBND xã H.C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Ái**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng** **Lưu Văn Đê** **Nguyễn Thị Hằng**

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện H.H;
- Chi cục THADS huyện H.H;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Hải Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**Nguyễn Thị Hằng**